

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó giáo sư
Mã hồ sơ:.....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý chất rắn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Minh Tân

2. Ngày tháng năm sinh: 10/07/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hà Châu, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):
Xóm Sơn Tiến, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phạm Minh Tân, Khoa Khoa học Cơ bản và Ứng dụng, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên. Số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0989057446;

E-mail: tanpm@tnut.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 08,2001 đến tháng, năm 02,2003: Giáo viên tại Trường THPT Lê Hồng Phong, Phố Yên, Thái Nguyên

Từ tháng, năm 03,2003 đến tháng, năm 09,2017: Phó Trưởng phòng Đào tạo tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Từ tháng, năm 09,2017 đến tháng, năm 06,2023: Trưởng khoa, Giám đốc Trung tâm tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa, Giám đốc Trung tâm; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa, Giám đốc Trung tâm

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên

Địa chỉ cơ quan: Số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 02083847145

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 26 tháng 6 năm 2001, số văn bằng: B262854, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 31 tháng 3 năm 2006, số văn bằng: QM003120, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý vô tuyến

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 11 tháng 4 năm 2016, số văn bằng: 005472, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý chất rắn

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Vật lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang, từ của các nano tinh thể bán dẫn không pha tạp và pha tạp kim loại chuyển tiếp hoặc ion đất hiếm
2. Chế tạo và nghiên cứu tính chất của vật liệu nano định hướng ứng dụng trong: y, sinh, môi trường, cơ khí...

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Bộ; 3 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 58 bài báo khoa học, trong đó 24 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giấy khen: Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2007-2008	Đại học Thái Nguyên	2008
2	Bằng khen: Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2010-2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012
3	Giấy khen: Đã có thành tích xuất sắc năm 2016-2017	Công đoàn Đại học Thái Nguyên	2017
4	Giấy khen: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2017-2018	Đại học Thái Nguyên	2018
5	Bằng khen: Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2017-2018 đến năm học 2018-2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019
6	Giấy khen: Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp phòng chống dịch Covid-19	Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên	2020
7	Giấy khen: Có thành tích công bố nhiều bài báo trên tạp chí khoa học danh mục ISI năm 2020	Đại học Thái Nguyên	2021
8	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021
9	Giấy khen: Có nhiều công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín (danh mục ISI) năm 2021	Đại học Thái Nguyên	2022
10	Giấy khen: Có thành tích xuất sắc trong hoạt động Khoa học công nghệ năm 2022	Đại học Thái Nguyên	2022
11	Giấy khen Đảng viên đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" 5 năm liền 2018-2022	Đảng bộ Đại học Thái Nguyên	2022

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) Về hoạt động đào tạo:

Từ năm 2003 đến năm 2011, TS. Phạm Minh Tân là giảng viên, Phó Trưởng Bộ môn Vật lý của trường Đại học Khoa học, từ năm 2011 đến năm 2017, TS Phạm Minh Tân là Phó Trưởng phòng đào tạo, giảng viên kiêm nhiệm tại Bộ môn Vật lý (nay là Viện Khoa học và Công nghệ), Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. Bên cạnh công tác quản lý, TS. Phạm Minh Tân thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trình độ Đại học và Sau đại học, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên, học viên làm đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp đại học và luận văn thạc sĩ, biên soạn giáo trình, tham gia xây dựng chương trình đào tạo và các công việc khác theo sự phân công của Khoa và nhà trường. Từ tháng 9 năm 2017, TS. Phạm Minh Tân được Đại học Thái Nguyên điều động về công tác tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên với cương vị là giảng viên, sau là Trưởng khoa, Giảng viên chính với nhiệm vụ quản lý chuyên môn tại khoa Khoa học cơ bản (nay là khoa Khoa học Cơ bản và Ứng dụng) và giảng dạy trình độ đại học, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên làm đề tài nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học viên thực hiện luận văn thạc sĩ (tại trường Đại học Khoa học). Đồng thời, TS. Phạm Minh Tân được nhà trường giao nhiệm vụ làm Trưởng nhóm nghiên cứu “Vật lý và vật liệu mới”, thành viên nhóm nghiên cứu mạnh của trường, xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên.

- Mức độ hoàn thành khối lượng giảng dạy: Trong từng năm học TS. Phạm Minh Tân đều hoàn thành tốt khối lượng giảng dạy theo quy định của một giảng viên chính đại học.
- Hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành: Trong từng năm học TS Phạm Minh Tân đều hoàn thành các nhiệm vụ của giảng viên theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010, Thông tư số [18/2012/TT-BGDĐT](#) ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
- Năng lực giảng dạy: Có năng lực giảng dạy và chuyên môn tốt, thân thiện và nhiệt tình với sinh viên, học viên

- Ý kiến phản hồi của người học trong 3 năm gần nhất: tốt

- Phát triển chương trình đào tạo: Tham gia xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Quang học tại trường Đại học Khoa học. Tham gia Hội đồng điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học theo hệ thống tín chỉ các ngành đào tạo trình độ đại học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

- Đóng góp khác trong công tác đào tạo: Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tham gia viết các đề án xây dựng phòng thí nghiệm của Trường.

b) Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Năng lực nghiên cứu: Hiện nay nhóm nghiên cứu của TS. Phạm Minh Tân là một nhóm nghiên cứu mạnh của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp nói riêng và Đại học Thái Nguyên nói chung với nhiều công trình nghiên cứu có giá trị được đăng tải trên các tạp chí quốc tế uy tín. Với vai trò chủ nhiệm TS. Phạm Minh Tân đã hoàn thành 02 đề tài cấp Bộ Giáo dục và đào tạo (đề tài mã số B2009-TN07-07 xếp loại xuất sắc, đề tài mã số B2021-TNA-06 xếp loại đạt), hoàn thành 03 đề tài cấp trường (mã số T2018-B01, T2019-B18, T2020-B24) đều xếp loại xuất sắc. Ngoài ra, TS. Phạm Minh Tân là thành viên nghiên cứu chủ chốt, thành viên của 04 đề tài của Quỹ Nafosted, 04 đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ nhiệm và tham gia 05 đề tài cấp Đại học Thái Nguyên và tham gia nhiều đề tài cấp cơ sở khác.

- Kết quả công bố và xuất bản: TS. Phạm Minh Tân đã công bố 58 bài báo khoa học theo hướng nghiên cứu trong đó 18 bài báo quốc tế uy tín ISI (8 bài tác giả chính), 04 bài QT uy tín (1 bài tác giả chính), 18 bài trong nước (10 bài tác giả chính) và 16 bài hội nghị (5 bài tác giả chính).

- Tổ chức nghiên cứu: TS. Phạm Minh Tân với vai trò Trưởng nhóm nghiên cứu, đã xây dựng thành công nhóm nghiên cứu về “Vật lý và vật liệu mới” gồm một số giảng viên trong và ngoài trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Nhóm đã tiến hành nghiên cứu, chế tạo vật liệu trên cơ sở các trang thiết bị sẵn có tại khoa Khoa học Cơ bản và Ứng dụng, khoa Cơ khí, Viện nghiên cứu phát triển công nghệ cao về kỹ thuật công nghiệp (thuộc trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp), cùng thiết bị hợp tác với trường Đại học Khoa học, trường Đại học Y – Dược (thuộc Đại học Thái Nguyên), Viện Khoa học Vật liệu – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, bước đầu thu được nhiều kết quả nghiên cứu có giá trị.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học: TS. Phạm Minh Tân với vai trò Trưởng khoa, Trưởng nhóm nghiên cứu đã tham gia và là thành viên ban tổ chức, ban khoa học của các hội nghị, hội thảo về cấp quốc gia, quốc tế. Đồng thời, TS. Phạm Minh Tân chủ trì tổ chức các Hội thảo cấp trường về lĩnh vực Toán, Vật lý, vật liệu nano ứng dụng trong các lĩnh vực kỹ thuật. Với vai trò là Phó Chủ tịch Chi

hội Vật lý Thái Nguyên, TS. Phạm Minh Tân kết hợp với các thành viên của Chi hội ở các trường Đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên tổ chức các Hội thảo, seminar khoa học để tăng cường học hỏi và hỗ trợ cho nhóm nghiên cứu của trường.

- Uy tín khoa học trong cộng đồng Google scholar: Citations: 371, H-index: 13, i10-index: 16.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 20 năm 4 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018			2		217		217/311,84/189
2	2018-2019			1		250		250/303,92/202,5
3	2019-2020					205		205/296,45/202,5
03 năm học cuối								
4	2020-2021					246		246/310,45/202,5
5	2021-2022			1		254		254/294,7/116
6	2022-2023					246		246/306,17/116

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2-Khung tham chiếu châu Âu

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đào Mạnh Huy		X	X		08/2017 đến 10/2018	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	21/12/2018
2	Nguyễn Văn Đông		X	X		08/2017 đến 10/2018	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	21/12/2018
3	Vũ Thuý Mai		X	X		09/2018 đến 05/2019	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	12/8/2019

4	Vũ Văn Chinh		X	X		10/2021 đến 10/2022	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	06/02/2023
---	--------------	--	---	---	--	---------------------------	---	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Chế tạo và nghiên cứu các tính chất quang của hạt nano silica pha tâm màu cho các ứng dụng đánh dấu sinh học	CN	B2009-TN07-07, cấp Bộ	01/01/2009 đến 31/12/2010	05/08/2011/Xuất sắc
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Chế tạo và nghiên cứu các tính chất quang - điện tử của các nano CdSSe và CdTeSe pha tạp kim loại chuyển	CN	B2021-TNA-06, cấp Bộ	01/01/2021 đến 31/12/2022	12/05/2023/ Kết quả đạt

	tiếp, định hướng ứng dụng diệt tế bào ung thư dạ dày				
3	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể bán dẫn có cấu trúc lõi/vỏ và lõi/vỏ/vỏ dựa trên các hợp chất CdSe, CdS và ZnSe	CN	T2018-B01, cấp Cơ sở	23/02/2018 đến 22/02/2019	8/8/2019/ Xuất sắc
4	Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang và từ của các nano tinh thể bán dẫn nhóm A2B6 không pha tạp và pha tạp kim loại chuyển tiếp	CN	T2019-B18, cấp Cơ sở	15/07/2019 đến 15/07/2020	12/7/2020/ Xuất sắc
5	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể bán dẫn pha tạp kim loại chuyển tiếp hoặc đất hiếm	CN	T2020-B24, cấp Cơ sở	01/10/2020 đến 30/09/2021	30/9/2021/ Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Optical properties and the Use of CdSe Quantum Dots for Biolabeling Applications	10	Không	Communications in Physics/0868-3166	- ACI	3	18, 03, 185-192	05/2008
2	Ứng dụng các hạt nano phát quang vào việc đánh dấu tế bào để phát hiện và giám sát các loại vi sinh vật	8	Không	Tạp chí Công nghệ Sinh học/1811-4989			7, 4, 513-519	03/2009
3	Synthesis and characterization of dye doped water soluble functionalized	9	Không	Hội Nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật			879-897	10/2010

	organically modified silica nanoparticle for bio-labeling			liệu toàn quốc lần thứ 6, Đà Nẵng, 2009				
4	Synthesis optical properties and bioapplications of ormosil nanoparticles	5	Không	The first academic conference on natural science for master and PhD students from Cambodia – Laos – Vietnam, Laos			145-151	10/2010
5	Biochemically functionalized fluorescent silica-based Nanoparticles for bioanalysis	13	Có	Proceedings, The 3rd International Workshop on Nanotechnology and Application - IWNA 2011			AMN-160-P 993-996	11/2011
6	Energy transfer between nanoparticles	7	Không	Proceedings, The 3rd International Workshop on Nanotechnology and Application - IWNA 2011			FON-207-O 252-257	11/2011
7	Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang của hạt nano ormosil chứa tâm màu có các nhóm chức năng và ứng dụng đánh dấu sinh học	7	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên/1859-2171			96, 8, 59-67	10/2012
8	Synthesis, photophysical properties and application of dye doped water soluble silica-based nanoparticles to label bacteria E. coli O157:H7	9	Có	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology/2043-6254	Có - Scopus <i>IF:</i> 0.339, <i>Q2</i>	10	3, 4, 045013	11/2021
9	Effect of surface plasmon from gold nanoparticles on fluorescence emission of dye-doped nanoparticles	5	Không	Advances in Optics Photonics spectroscopy Applications VII			561-569	10/2013

10	Dye-doped silica-based nanoparticles for bioapplications	13	Không	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology/2043-6254	Có - Scopus <i>IF:</i> 0.354, <i>Q2</i>	26	4, 4, 043001	08/2013
11	Optical nanoparticles: synthesis and biomedical application	21	Không	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology/2043-6254	Có - Scopus <i>IF:</i> 1.581, <i>Q2</i>	14	6, 5, 023002	03/2015
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
12	Vai trò của tổn hao lớp điện môi lên sự mở rộng vùng có chiết suất âm sử dụng mô hình lai hóa bậc hai	6	Không	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2/1859-2325			51, 40-50	10/2017
13	Mở rộng dải tần từ thẩm âm dựa trên mô hình lai hóa bậc hai cho cấu trúc đối xứng bằng phương pháp mô phỏng	6	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên/1859-2171			172, 12, 03-08	10/2017
14	Xác định các thông số động học của các hạt nano vàng bán nguyệt đơn nhất	6	Không	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự/1859-1043			47, 108-114	02/2017
15	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể hợp kim CdTe _{1-x} Se _x (0 ≤ x ≤ 1)	8	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ X/978-604-95-0325-2			238-242	11/2017
16	Synthesis and optical properties of tetrapodshaped CdTe/CdSe type-II nanocrystals in noncoordinating solvent	8	Không	Advances in optics photonics spectroscopy & applications X/978-604-913-865-2			144-149	08/2019
17	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể	7	Không	Advances in optics photonics spectroscopy &			150-158	08/2019

	thể bán dẫn hợp kim CdS1-xSex			applications X/978-604-913-865-2				
18	Ảnh hưởng của thời gian chiếu led xanh lên sự phát triển của hạt nano bạc bằng phương pháp phổ hấp thụ plasmon	8	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên/1859-2171			190, 14, 03-08	12/2018
19	Chế tạo nghiên cứu tính chất quang của nano tinh thể bán dẫn CdS pha tạp Cu	8	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên/1859-2171			190, 14, 31-39	12/2018
20	Chế tạo và nghiên cứu cấu trúc, tính chất quang của nano tinh thể bán dẫn CdS pha tạp Ni	7	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên/1859-2171			190, 14, 41-48	12/2018
21	Tính chất quang của các nano tinh thể loại- II CdSe/CdTe dạng tetrapod	5	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu lần thứ XI/978-604-98-7505-2			235-240	10/2019
22	Nghiên cứu cấu trúc và tính chất quang của các nano tinh thể ba thành phần CdSeTe dạng tetrapod	6	Có	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ XI/978-604-98-7505-2			281-285	10/2019
23	Ảnh hưởng của nhiệt độ đến tính chất huỳnh quang của các nano tinh thể lõi/vỏ loại II CdTe/CdSe	5	Có	Tạp chí Nghiên cứu KH&CN quân sự, Số Đặc san FEE/1859-1043			Đặc san FEE, 327-334	08/2018
24	Near-Infrared Emitting Type-II CdTe/CdSe Core/Shell Nanocrystals: Synthesis and Optical Properties	4	Có	International Conference on Engineering Research and Applications (Springer)		3	63, 398-407	11/2018
25	Primary treatment of persistent organic compounds	8	Không	Proceedings of Vietnam – Japan			66-69	05/2019

	and color from landfill leachate using coagulation for subsequently ozonation process			Science and Technology Symposium 2019 (VJST2019)/978-604-913-812-6				
26	Optical and Ferromagnetic Properties of Ni- Doped CdTeSe Quantum Dots	7	Không	Journal of Electronic Materials/0361-5235	Có - SCI <i>IF:</i> 1.774/ <i>Q2</i>	17	48, 2593- 2599	01/2019
27	Electronic Structure and Ferromagnetism in Zincblende Zn_{1-x}CoxS Nanoparticles	7	Có	Journal of Superconductivity and Novel Magnetism/1557-1947	Có - SCI <i>IF:</i> 1.506, <i>Q3</i>	5	32, 1761- 1768	11/2018
28	Tunable dual emission in type- I/typeII CdSe/CdS/ZnSe nanocrystals	9	Không	Journal of Alloys and Compounds/0925-8388	Có - SCI <i>IF:</i> 5.326, <i>Q1</i>	20	791, 144- 151	03/2019
29	Multiexciton Properties in CdSe Core and CdSe/CdSe_{1-x}S_x Tetrapod Nanostructures Under Pulse Wave Optical Pumping	3	Có	International Conference on Engineering Research and Applications (Springer)			104, 477- 486	12/2019
30	Optimization of Cutting Parameters for Improving Surface Roughness during Hard Milling of AISI H13 Steel	3	Không	Key Engineering Materials/Trans Tech Publications Ltd/1662-9795	Có - Scopus <i>IF:</i> 0.45, <i>Q4</i>	10	831, 35-39	01/2020
31	New insights on the energy transfer mechanisms of Eudoped CdS quantum dots	10	Có	Physical Chemistry Chemical Physics/1463-9084	Có - SCI <i>IF:</i> 3.676, <i>Q1</i>	30	22, 11, 6266- 6274	01/2020
32	Synthesis and In-Depth Study of the Mechanism of Silver Nanoplate and Nanodecahedra Growth by	9	Không	Journal of Electronic Materials/0361-5235	Có - SCIE <i>IF:</i> 2.047, <i>Q2</i>	13	49, 5009- 5027	06/2020

	LED Irradiation for SERS Application							
33	Effects of chemical affinity and injection speed of Se and Te precursors on the development kinetic and optical properties of ternary alloyed CdTe_{1-x}Se_x nanocrystals	9	Không	Journal of Physics and Chemistry of Solids/0022-3697	Có - SCI <i>IF:</i> 3.995, <i>Q2</i>	5	139, 109332	01/2020
34	Role of modifier ion radius in luminescence enhancement from 5D4 level of Tb³⁺ ion doped alkalialuminotelluroborate glasses	8	Không	Journal of Luminescence/0022-2313	Có - SCI <i>IF:</i> 3.599, <i>Q2</i>	25	221, 117039	01/2020
35	Heterogeneous Fenton oxidation of paracetamol in aqueous solution using iron slag as a catalyst: Degradation mechanisms and kinetics	14	Không	Environmental Technology and Innovation/2352-1864	Có - SCI <i>IF:</i> 5.263, <i>Q1</i>	50	18, 100670	01/2020
36	Quang phổ phát xạ của chất màu cyanine ảnh hưởng bởi tính chất plasmonic của các hạt keo nano vàng	7	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên/1859-2171	- ACI		225, 14, 23- 32	11/2020
37	Structural, optical properties, energy transfer mechanism and quantum cutting of Tb³⁺ doped ZnS quantum dots	11	Có	Journal of Physics and Chemistry of Solids/0022-369	Có - SCI <i>IF:</i> 3.995, <i>Q2</i>	19	147, 109638	07/2020
38	The magnetic aging and magnetic interaction in Bi_{0.84}La_{0.16}Fe_{0.88}Ti_{0.12}O₃ polycrystalline ceramic	4	Không	Journal of Magnetism and Magnetic Materials/0304-8853	Có - SCI <i>IF:</i> 3.05, <i>Q2</i>	4	516, 167333	08/2020

39	Role of Electrolyte Media in the Exfoliation of MoS₂ Nanosheets by Electrolysis Plasma-Induced Method	5	Không	International Conference on Engineering Research and Applications (Springer)	Có - Scopus <i>IF: Q4</i>		178, 724-728	11/2020
40	Effect of dopant concentration and the role of ZnS shell on optical properties of Sm³⁺ doped CdS quantum dots	8	Không	RSC Advances/2046-2069	Có - SCIE <i>IF: 3.36, Q1</i>	8	11, 14, 7961-7971	01/2021
41	Optical properties and energy transfer processes in Tb³⁺-doped ZnSe quantum dots	6	Có	Physical Chemistry Chemical Physics/1463-9084	Có - SCI <i>IF: 3.676, Q1</i>	3	23, 28, 15257-15267	06/2021
42	Study of optical properties and energy transfer mechanism of Tb³⁺, Sm³⁺ singly doped and codoped ZnS quantum dots	10	Có	Optical Materials/0925-3467	Có - SCI <i>IF: 3.08/Q1</i>	11	114, 110901	01/2021
43	Chế tạo, nghiên cứu các tính chất quang và từ của các nano tinh thể bán dẫn CdS pha tạp Mn	6	Không	Hội nghị Quang học Quang phổ toàn quốc lần thứ 11/978-604-9988-20-2			454-459	01/2021
44	Optical properties of Ce³⁺ and Tb³⁺ codoped ZnS quantum dots	8	Có	Journal of Alloys and Compounds/0925-8388	Có - SCI <i>IF: 5.36, Q1</i>		883, 160746	06/2021
45	Tính chất nhiệt phát quang của đa tinh thể KGdF ₄ :Tb ³⁺	9	Có	Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Công nghệ Quân sự/1859-1043			FEE 247-252	10/2021
46	Mô hình về tính dẫn điện của môi trường xốp trong điều kiện bão hòa	5	Có	Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Công nghệ Quân sự/1859-1043			FEE 253-260	10/2021

47	Nghiên cứu tổng hợp và khảo sát tính chất điện hóa của vật liệu Graphen/MoS2 bằng phương pháp tổng trở	8	Không	Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Công nghệ Quân sự/1859-1043			FEE, 253-260	10/2021
48	Supercapacitor Electrode Based on Agricultural Waste Derived Biochar Materials	7	Không	International Conference on Engineering Research and Applications (Springer)	Có - Scopus <i>IF: Q4</i>		366, 891-896	01/2022
49	Structural evolution and magnetic properties of Bi0.86Nd0.14Fe1-xTixO3 ceramics	11	Không	Materials Chemistry and Physics/0254-0584	Có - SCI <i>IF: 5.05, Q2</i>	2	270, 124857	06/2021
50	Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang và quá trình truyền năng lượng trong các nano tinh thể bán dẫn ba thành phần CdSSe pha tạp ion Eu3+	8	Có	TNU Journal of Science and Technology/2615-9562	- ACI		227, 11, 239-246	08/2022
51	Nano tinh thể bán dẫn ba thành phần cdsse pha tạp Mn: cấu trúc, tính chất quang và truyền năng lượng	7	Có	TNU Journal of Science and Technology/2615-9562	- ACI		227, 16, 76-84	10/2022
52	Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang và quá trình truyền năng lượng trong các nano tinh thể ZnO đồng pha tạp các ion Ce3+ và Tb3+	7	Có	Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Công nghệ Quân sự/1859-1043			84, 101-108	12/2022
53	Ảnh hưởng của sự pha tạp co đến các tính chất quang và từ của các nano tinh thể Zn1-xCoxSe	9	Có	TNU Journal of Science and Technology/2615-9562	- ACI		228, 02, 119-127	01/2023
54	Cd1-xDyxS semiconductor quantum dots: Structure, optical properties and energy transfer parameters	8	Có	Optical Materials/0925-3467	Có - SCI <i>IF: 3.75, Q2</i>	1	135, 113249	11/2022

55	Er³⁺ and Sm³⁺ co-doped ZnS quantum dots: Judd-Ofelt, luminescent properties and energy transfer	8	Có	Journal of Luminescence/0022-2313	Có - SCI IF: 4.171, Q2	1	255, 119538	11/2022
56	Synthesis of cuprous oxide/silver (Cu₂O/Ag) hybrid as surface-enhanced Raman scattering probe for trace determination of methyl orange	10	Không	Royal Society Open Science/2054-5703	Có - SCI IF: 3.653, Q1		10, 5, 221623	05/2023
57	Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano WS₂ ứng dụng làm dung dịch hỗ trợ bôi trơn	4	Có	TNU Journal of Science and Technology/2615-9562	- ACI		228, 10, 326- 331	06/2023
58	Chế tạo, nghiên cứu tính chất của vật liệu nano SiO₂ và thử nghiệm ứng dụng trong gia công cơ khí	4	Có	TNU Journal of Science and Technology/2615-9562	- ACI		228, 10, 332- 338	06/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 8 ([27] [31] [37] [41] [42] [44] [54] [55])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Hội đồng điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học theo hệ thống tín chỉ	Tham gia	QĐ số: 146/QĐ-ĐHKTCN, ngày 01/3/2019	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên	- QĐ số: 393/QĐ-ĐHKTCN, ngày 17/3/2020 và QĐ số: 1848/ QĐ-ĐHKTCN, ngày 12/7/2022	Áp dụng tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên
2	Chương trình đào tạo khối ngành Kỹ thuật và công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử - truyền thông và Kỹ thuật máy tính trình độ đại học, sau đại học theo hệ thống tín chỉ	Tham gia	QĐ số 147/QĐ-ĐHKTCN, ngày 01/3/2019	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên	QĐ số: 393/QĐ-ĐHKTCN, ngày 17/3/2020 và QĐ số: 1848/ QĐ-ĐHKTCN, ngày 12/7/2022	Áp dụng tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên

3	Chương trình đào tạo khối ngành Kỹ thuật và công nghệ kỹ thuật Cơ khí – Kỹ thuật cơ điện tử - Cơ khí động lực Công nghệ ô tô & Kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật môi trường trình độ đại học, sau đại học theo hệ thống tín chỉ	Tham gia	QĐ số 148/QĐ-ĐHKTCN, ngày 01/3/2019	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên	QĐ số: 393/QĐ-ĐHKTCN, ngày 17/3/2020 và QĐ số: 1848/ QĐ-ĐHKTCN, ngày 12/7/2022	Áp dụng tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên
4	Hội đồng tư vấn điều chỉnh chương trình đào tạo khối kiến thức giáo dục đại cương trình độ đại học, sau đại học theo hệ thống tín chỉ	Tham gia	QĐ số: 151/QĐ-ĐHKTCN, ngày 08/3/2019	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên	QĐ số: 393/QĐ-ĐHKTCN, ngày 17/3/2020 và QĐ số: 1848/ QĐ-ĐHKTCN, ngày 12/7/2022	Áp dụng tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

tỉnh Thái Nguyên, ngày 04 tháng 07 năm 2023

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**